

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 9 năm 2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VINH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Túc

2. Ông Nguyễn Tiến Thuận

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Bà
Trịnh Hoàng Miên, Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện
Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2018/TLST - HNGĐ ngày 17
tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 14/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1985, (có mặt)

HKTT; thôn M, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1983, (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn M, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1964, (có mặt)

Nơi cư trú: thôn M, xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2018, những lời khai tiếp theo
trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:

Chị kết hôn với anh Hà Văn H ngày 24/11/2006 cưới có được tìm hiểu và
đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về
làm dâu và chung sống cùng gia đình anh H ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung
sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2008 chị sinh con gia đình thêm khó khăn, anh

H hay uống rượu về nhà đánh đập chị. Sau đó chị đi làm anh H nghi ngờ chị ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau và đánh nhau. Đến ngày 30/12/2017 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình không giàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Hà Xuân T, sinh ngày 29/11/2008 và Hà Phương T, sinh ngày 07/10/2010, hiện hai con đang ở cùng anh H và gia đình anh H. Ly hôn chị xin nuôi hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang làm tạp vụ cho Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh bất động sản khu đô thị Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội, thu nhập bình quân của chị là 6.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn H vắng mặt tại phiên tòa anh có đơn xin xét xử vắng mặt quá trình giải quyết anh trình bày: Về điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như chị C trình bày là đúng. Cuối năm 2017 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình không giàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin được đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Hà Xuân T, sinh ngày 29/11/2008 và Hà Phương T, sinh ngày 07/10/2010, hiện hai con đang ở cùng anh và gia đình. Ly hôn anh xin nuôi hai con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh làm công nhân, thu nhập bình quân của anh là 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T trình bày: Bà có quan hệ là mẹ đẻ anh H. Chị C và anh H kết hôn năm 2006. Sau khi kết hôn chị C về làm dâu và chung sống cùng gia đình bà nhưng anh chị độc lập về kinh tế. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị nghi ngờ nhau quan hệ bất chính nên anh H không cho chị C đi làm có một vài lần anh chị có đánh nhau. Nay chị C xin ly hôn với anh H bà đề nghị giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung: Chị C và anh H có hai con chung như chị C trình bày là đúng. Nếu anh chị ly hôn bà đề nghị được tiếp tục nuôi hai cháu đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi vì bà nuôi hai cháu từ nhỏ đến nay.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Bà không biết anh H, chị C có gì.

Qua xác minh tại UBND xã Y chị C và anh H kết hôn ngày 24/11/2006 đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Sau khi kết hôn chị C về làm ăn chung sống cùng gia đình anh H ngay. Quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn, nguyên nhân theo dư luận tại địa phương do anh chị nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính với người khác và điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị C xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung vợ chồng có hai con chung như anh chị trình bày là đúng, hiện hai con đang ở cùng gia đình anh H. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Chị Trần Thị C và xử cho chị C được ly hôn anh Hà Văn H.

2.Về con chung: Giao chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Phương T, sinh ngày 07/10/2010, Anh Hà Văn H nuôi cháu Hà Xuân T, sinh ngày 29/11/2008, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị C và anh Hà Văn H là hôn nhân hợp pháp tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện S. Theo chị C và anh H nguyên nhân mâu thuẫn từ khi sinh con gia đình thêm khó khăn, anh H hay uống rượu về nhà đánh đập chị. Anh H còn nghi ngờ chị C có quan hệ bất chính, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau và đánh nhau. Đến cuối năm 2017 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình không giàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin

được ly hôn với anh H. Anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ. Việc anh H xin được đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống nhưng anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị C xin ly hôn anh H là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Hà Xuân T, sinh ngày 29/11/2008 và Hà Phương T, sinh ngày 07/10/2010, hiện hai con đang ở cùng anh H và gia đình. Ly hôn cả hai đều xin nuôi hai con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng chị C và anh H có công ăn việc làm ổn định đều đảm bảo để nuôi con, nguyện vọng của các cháu cũng xin được ở với bố và bà nội. Để đảm bảo quyền lợi cho con và cho người phụ nữ sau khi ly hôn nên giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Phương T, anh H nuôi cháu Hà Xuân T. Việc hai bên không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị C, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình và điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Hà Văn H.

2.Về con chung: Giao chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Phương T, sinh ngày 07/10/2010, Anh Hà Văn H nuôi cháu Hà Xuân T, sinh ngày 29/11/2008, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

Theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2016/0004737 ngày 17/5/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị C đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THA DS huyện Sông Lô;
- UBND xã Yên Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ